

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TẬP ĐOÀN
thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ I,
nhiệm kỳ 2025 - 2030

Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã thông qua Nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác xây dựng Đảng đến năm 2030 với mục tiêu tổng quát là:

Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững; phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, có quy mô GDP thuộc nhóm 30 nền kinh tế trên thế giới, vươn lên thứ 03 trong khối ASEAN. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026-2030 đạt tốc độ cao; bảo đảm các cân đối lớn. Thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; mạng lưới kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ, hiện đại; nguồn nhân lực được phát triển toàn diện; trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao. Nâng cao đời sống cho Nhân dân.

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, xây dựng Đảng bộ Chính phủ trong sạch, vững mạnh.

Nghị quyết cũng đề ra các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030:

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 8.500 USD. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 28% GDP; tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng trên 55%. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt khoảng 8,5%/năm. Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP ở mức 1 - 1,5%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%. Tổng tích lũy tài sản khoảng 35 - 36% GDP; tỷ trọng tiêu dùng cuối cùng khoảng 61 - 62% GDP. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm khoảng 40% GDP, trong đó tỷ lệ đầu tư công chiếm 20 - 22% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách giai đoạn 2026

- 2030 đạt khoảng 18% GDP. Bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 bình quân khoảng 5% GDP. Phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) đạt tỷ lệ khoảng 30% trong cơ cấu nguồn điện đến năm 2030. Phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử...; tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP.

- Về xã hội: Chỉ số phát triển con người (HDI) phấn đấu đạt khoảng 0,75. Tuổi thọ bình quân đạt khoảng 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) duy trì mức giảm 1 - 1,5%/năm. Đến năm 2030, không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

- Về môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 42%. Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt khoảng 65-70%. Lượng phát thải khí nhà kính giảm 8 - 9%. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt khoảng 98-100%. Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia.

- Về công tác xây dựng Đảng: Bảo đảm các nghị quyết của Đảng phải được kiểm tra, giám sát; các đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được kiểm tra, giám sát theo quy định; kiên quyết thay thế cán bộ yếu kém thuộc thẩm quyền. Phấn đấu kết nạp đảng viên đạt 3% trở lên; hằng năm có 20% tổ chức đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 90% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ.

Để triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ I; Bám sát Chương trình hành động và Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy Chính phủ, Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn Điện lực Việt Nam xây dựng Chương trình hành động cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và người lao động về quan điểm, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030 (Nghị quyết).

- Chương trình hành động nhằm cụ thể hoá và làm cơ sở để các cấp ủy trong Đảng bộ Tập đoàn lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức chuyên môn, đoàn thể và các đơn vị thành viên EVN triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết; xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch để triển khai, thực hiện hiệu quả các nội dung yêu cầu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ, phù hợp tình hình thực tiễn của Đảng bộ Tập đoàn.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ trong Nghị quyết, cụ thể hóa Chương trình hành động và Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Đảng ủy Chính phủ, lựa chọn một số nội dung cụ thể, liên quan trực tiếp đến cơ quan, đơn vị để xây dựng chương trình hành động, gắn với những chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp, thể hiện quyết tâm đổi mới, sáng tạo và đảm bảo khả thi, thiết thực, hiệu quả; các tiêu chí rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ và rõ kết quả¹.

- Hằng năm, kiểm điểm tiến độ thực hiện chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết gắn với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tập đoàn lần thứ IV, nhiệm kỳ 2025-2030 và các nghị quyết chuyên đề của Đảng ủy Tập đoàn.

- Cấp ủy các cấp tổ chức đảng trực thuộc, Công đoàn Điện lực Việt Nam, Đoàn Thanh niên EVN xây dựng kế hoạch, tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Đổi mới nội dung, phương thức quán triệt Nghị quyết phù hợp với điều kiện, đặc thù của đơn vị.

II- MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm cung ứng điện an toàn, ổn định cho nền kinh tế và đời sống nhân dân; Tăng tốc đầu tư xây dựng nguồn và lưới điện theo quy hoạch; Quản trị doanh nghiệp minh bạch, tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; Tiếp tục đẩy mạnh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Nhóm mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ (lựa chọn 10/17 chỉ tiêu)

TT	Chỉ tiêu của ĐUCP	Mục tiêu 2026-2030 của ĐUCP	Mục tiêu 2026-2030 của ĐU EVN
1.	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm (%)	Phấn đấu từ 10% trở lên	Đảm bảo cung cấp điện đáp ứng tăng trưởng GDP từ 10% trở lên.
2.	GDP bình quân đầu người (USD)	8.500	Điện thương phẩm bình quân đầu người đến 2030: 4.000kWh/người dân ²
3.	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	8,5	Tăng bình quân 8%/năm
4.	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân/GDP (%)	40	Đầu tư hàng năm $\geq$ 120.000 tỷ đồng.

¹ Theo yêu cầu tại Kế hoạch triển khai Nghị quyết Đảng bộ Chính phủ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

² Năm 2025 ước đạt 2.800kWh/người dân.

TT	Chỉ tiêu của ĐUCP	Mục tiêu 2026-2030 của ĐUCP	Mục tiêu 2026-2030 của ĐU EVN
5.	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP/năm (%)	1 - 1,5	(i) Tỷ lệ điện dùng cho truyền tải và phân phối đến 2030 giảm xuống 5,8%. (ii) Tỷ lệ tiết kiệm điện hàng năm đạt từ: 1- 1,5%.
6.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	35 - 40	CBCNV qua đào tạo ³ đạt 80% trở lên
7.	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	100%	100% CBCNV
8.	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân (%)	> 95	100% CBCNV
9.	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (%)	> 90	Đảm bảo tiêu chí về điện (trong phạm vi quản lý của EVN): Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới về điện trên 98% ⁴ .
10	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường (%)	98 - 100	100% đơn vị thuộc EVN

2.2. Nhóm chỉ tiêu theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tập đoàn Điện lực Việt Nam lần thứ IV, nhiệm kỳ 2025-2030

- Phối hợp với các đơn vị, đối tác trong và ngoài Tập đoàn đảm bảo cung ứng điện cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước với tổng công suất các nguồn điện khoảng 183 - 236 GW hoặc có thể cao hơn tùy thuộc vào nhu cầu hệ thống và tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo thời kỳ; tổng sản lượng điện khoảng 560 - 624 tỉ kWh. Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp khoảng 25 - 30%.

- Đến năm 2030, độ tin cậy cung cấp điện, chỉ số tiếp cận điện năng thuộc top 3 nước dẫn đầu ASEAN. Hệ thống điện thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối an toàn với lưới điện khu vực; bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng

- Tăng tốc đầu tư các dự án nguồn và lưới điện được giao trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, trong đó:

+ Về nguồn điện: EVN và các đơn vị thành viên hoàn thành 12 dự án nguồn điện với tổng công suất 5.160 MW (gồm: NĐ Quảng Trạch I, LNG Quảng Trạch II,

³ Hiện tại là 75,3%

⁴ Tỷ lệ xã (theo đơn vị hành chính trước sáp nhập) đạt chuẩn nông thôn mới về điện năm 2025 là 93,8%.

TĐ tích năng Bắc Ái, TĐ Trị An MR, TĐ Bản Chát MR, TĐ Tuyên Quang MR; Sê San 3 MR; Sê San 4 MR, TĐ Đa Nhim MR giai đoạn 2, TĐ Quảng Trị MR, TĐ Srepok 3 MR, TĐ Buôn Kuốp MR). Dự án LNG Quảng Trạch III: phần đầu khởi công năm 2026, hoàn thành năm 2030. Triển khai nhanh các dự án nguồn điện mới được phê duyệt bổ sung trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh; Tập trung nguồn lực để triển khai dự án NMD hạt nhân Ninh Thuận 1; Cải tạo, nâng cấp, chuyển đổi nhiên liệu, giảm phát thải các nhà máy nhiệt điện hiện có. Đẩy nhanh đầu tư các nhà máy thủy điện tích năng, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời nổi theo quy hoạch, các nguồn điện linh hoạt, các hệ thống lưu trữ năng lượng. Quyết liệt thực hiện các giải pháp chuyển đổi xanh và bền vững ngành điện theo lộ trình được Chính phủ phê duyệt.

+ Về lưới điện: Tập trung cao độ để triển khai đầu tư mới các dự án lưới điện trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, đảm bảo đồng bộ tiến độ đưa vào vận hành các nguồn điện; Tăng cường liên kết nhập khẩu điện từ các nước trong khu vực; Tăng cường năng lực truyền tải liên vùng, liên miền. Tiếp tục đầu tư xây dựng các đường dây 500 kV, 220 kV và các trạm biến áp để bảo đảm khả năng truyền tải điện từ các trung tâm sản xuất điện đến các trung tâm phụ tải và kết nối liên thông với các nước ASEAN, nhất là Campuchia, Lào, ... góp phần kết nối 3 nền kinh tế. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống truyền tải ven biển. Xây dựng lưới điện thông minh, lưới điện số, giám sát và điều khiển thời gian thực, đủ khả năng tích hợp tỷ trọng cao các nguồn năng lượng tái tạo.

- + Thực hiện đầu tư hàng năm tối thiểu 120.000 tỷ đồng.
- Giảm tỷ lệ điện dùng cho truyền tải và phân phối đến năm 2030 xuống 5,8%.
- Đến năm 2030 trở thành doanh nghiệp số toàn diện.
- Năng suất lao động tăng bình quân 8%/năm.
- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp tiết kiệm chi phí, chống lãng phí trong tất cả các lĩnh vực, lợi nhuận sản xuất kinh doanh hàng năm đạt tối thiểu 3%.
- Nộp ngân sách hàng năm từ 23.000 - 24.000 tỷ đồng.
- Đảng bộ Tập đoàn phân đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Tổ chức đảng trực thuộc hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 90% trở lên;
- Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt 90% trở lên.
- Kết nạp đảng viên mới đạt 3% tổng số đảng viên.
- Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên vững mạnh xuất sắc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng

1.1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức

(i) Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

- Kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng Đảng bộ Tập đoàn là trung tâm đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị và tác phong ứng xử chuẩn mực có văn hóa của cán bộ, đảng viên. Đổi mới tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

(ii) Coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng

- Nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ; tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước kịp thời, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cấp ủy, tổ chức đảng theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan truyền thông, báo chí, hệ thống báo cáo viên, tuyên truyền viên.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa và khơi dậy tinh thần “tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc” trong cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đưa việc học tập và làm theo Bác trở thành việc làm tự giác, thường xuyên của từng cán bộ, đảng viên. Chủ động, kiên quyết bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng; kết hợp nhuần nhuyễn giữa “*xây và chống*”, lấy “*xây là trọng tâm*”; kiên định, linh hoạt trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo phương châm: *Chủ động - Kịp thời - Linh hoạt - Sáng tạo - Hiệu quả*; Kịp thời định hướng thông tin, định hướng tư tưởng và dư luận xã hội.

- Đổi mới nội dung, phương pháp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cấp ủy viên và cán bộ làm công tác xây dựng đảng các cấp theo quy định.

(iii) Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ; nâng cao chất lượng tu dưỡng, rèn luyện, thực hành đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu.

- Đề cao trách nhiệm nêu gương, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, xây dựng

văn hóa công vụ, đạo đức liêm chính, tính chuyên nghiệp, ý thức trách nhiệm; kiên quyết khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, “*không dám làm*”.

- Thực hiện nghiêm cơ chế tự phê bình và phê bình, phát huy dân chủ trong Đảng; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

(iv) Đổi mới công tác dân vận và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về công tác dân vận, nhất là dân vận chính quyền.

- Tăng cường tổ chức các cuộc đối thoại và kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, người lao động; phát hiện, xử lý dứt điểm những vấn đề phức tạp, hạn chế phát sinh “điểm nóng” ngay từ cơ sở; chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và người lao động; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Thực hiện có hiệu quả phong trào “*Dân vận khéo*” các hoạt động an sinh xã hội.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò nòng cốt của tổ chức chính trị - xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh.

- Tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa cán bộ, đảng viên với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú; thực hiện nghiêm Quy chế công tác dân vận, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định có liên quan.

(*Nhiệm vụ cụ thể triển khai thực hiện theo chương trình, kế hoạch của ĐUCP và phân công thực hiện tại Phụ lục 1*).

1.2. Tập trung xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ

(i) Tham gia hoàn thiện mô hình tổ chức, hoạt động theo chỉ đạo của Đảng ủy Chính phủ; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

(ii) Tiếp tục thực hiện hiệu quả mô hình “*chi bộ 4 tốt*”, “*đảng bộ cơ sở 4 tốt*” gắn với đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, xây dựng đảng bộ các cấp trong sạch, vững mạnh.

(iii) Chú trọng công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên mới, quan tâm phát triển đảng trong đoàn viên, thanh niên, bảo đảm số lượng, nâng cao chất lượng.

(iv) Ban hành, sửa đổi quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ và các quy định liên quan về công tác cán bộ khi

Trung ương ban hành các quy định mới.

(v) Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên “*có tài, có tâm, có tầm*”; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn mới; kịp thời thay thế ngay các vị trí không đáp ứng yêu cầu.

Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí và thực hiện chính sách cán bộ; kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp ủy, tổ chức đảng. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay, gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với quản lý cán bộ, đảng viên.

(vi) Đẩy mạnh thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Tổ chức triển khai, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và các phần mềm nghiệp vụ liên quan lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng theo Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng. Tăng cường các biện pháp bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng.

(Nhiệm vụ cụ thể triển khai thực hiện theo chương trình, kế hoạch của ĐUCP và phân công thực hiện tại Phụ lục 2).

1.3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng

(i) Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo đúng quy định, trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, các lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm.

(ii) Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng; đổi mới tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức công tác kiểm tra, giám sát, chủ động nắm chắc tình hình. Xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả, có khả năng cảnh báo, phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa.

(iii) Tăng cường giám sát, nắm chắc tình hình tổ chức đảng, đảng viên, chủ động, kịp thời phát hiện, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; tập trung giải quyết dứt điểm đơn, thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật Đảng, nhất là những đơn, thư liên quan đến cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cấp ủy; kịp thời xem xét, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm theo thẩm quyền. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

(iv) Lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời khắc phục những vi phạm, khuyết điểm đã được chỉ ra sau kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán.

(v) Lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ cấp ủy, ủy ban kiểm tra và cán bộ làm công tác Đảng.

(Nhiệm vụ cụ thể triển khai thực hiện theo chương trình, kế hoạch của ĐUCP và phân công thực hiện tại Phụ lục 3).

1.4. Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

(i) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ 2025 - 2030 và hằng năm; kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ việc, hành vi vi phạm phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

(ii) Kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” thường xuyên, liên tục, với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, tích cực, chủ động, hiệu quả; xác định phòng ngừa là chính, là cơ bản, lâu dài, phát hiện, xử lý là quan trọng, đột phá; bảo vệ, khuyến khích người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo; tập trung hoàn thiện thể chế.

(iii) Thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, công tác cán bộ theo quy định. Thực hiện cơ chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm trong đầu tư, mua sắm, đấu thầu, triển khai các dự án năng lượng, nhất là các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải.

(Nhiệm vụ cụ thể triển khai thực hiện theo chương trình, kế hoạch của ĐUCP và phân công thực hiện tại Phụ lục 3).

2. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án để thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó, tập trung vào các khâu đột phá, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ đã đề ra

2.1. Hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị để trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển hạ tầng năng lượng

Quyết tâm, quyết liệt thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Tập trung triển khai thực hiện tốt các nội dung sau:

(i) Tham gia xây dựng, triển khai, cập nhật Quy hoạch điện VIII điều chỉnh; gắn quy hoạch nguồn - lưới điện với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các ngành khác.

(ii) Chủ động tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù cho các dự án điện trọng điểm, cấp bách, đổi mới chính sách tín dụng tạo điều kiện thuận lợi cho EVN tiếp cận các nguồn vốn; đề xuất cơ chế huy động vốn, tín dụng ưu đãi cho các dự án nguồn điện, lưới điện, truyền tải, các dự án năng lượng xanh, sạch, công nghệ mới, dự án đầu tư vào hệ thống dự trữ năng lượng, nghiên cứu, phát triển và

sản xuất thiết bị năng lượng trong nước.

(iii) Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung pháp luật về điện lực, năng lượng nguyên tử, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Tích cực kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định còn chồng chéo giữa pháp luật xây dựng và pháp luật quản lý vốn nhà nước, phân cấp mạnh hơn cho doanh nghiệp nhà nước trong thẩm quyền quyết định và đầu tư các dự án điện, theo nguyên tắc “Doanh nghiệp quyết - Doanh nghiệp làm - Doanh nghiệp chịu trách nhiệm”.

(iv) Tích cực tham gia có ý kiến đóng góp trong việc hoàn thiện chính sách thuế để khuyến khích sản xuất, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các trang thiết bị sản xuất trong nước. Nhà nước có cơ chế hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các dự án năng lượng phi lợi nhuận, thân thiện môi trường.

(v) Tham gia xây dựng chính sách khuyến khích các hộ sử dụng điện lớn xây dựng hệ thống thu hồi năng lượng để sản xuất điện; có cơ chế, chính sách ưu đãi hợp lý để phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ và hệ thống lưu trữ năng lượng; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển mạnh các hệ thống xử lý rác có thu hồi năng lượng.

(vi) Xây dựng, đề xuất cơ chế giá điện minh bạch, theo thị trường (không thực hiện bù chéo). Hoàn thiện cơ chế điều hành giá bán buôn và bán lẻ điện theo nguyên tắc thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, tính đúng, tính đủ chi phí để tạo nguồn lực tái đầu tư cho ngành Điện.

(vii) Kiểm soát hiệu quả việc ký kết hợp đồng mua bán điện trực tiếp (PPA/DPPA).

(viii) Cải thiện mạnh mẽ quy trình kinh doanh và tinh thần thái độ phục vụ khách hàng, lấy sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và chất lượng dịch vụ.

(ix) Xây dựng Đề án xây dựng EVN thành Tập đoàn kinh tế nhà nước quy mô lớn, tiên phong, giữ vai trò trụ cột trong đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia và an ninh cung ứng điện.

2.2. Tăng tốc đầu tư hạ tầng nguồn và lưới điện, bảo đảm vững chắc an ninh cung ứng điện đáp ứng yêu cầu tăng trưởng hai con số.

(i) Bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, xuyên suốt của các cấp ủy Đảng đối với công tác đầu tư xây dựng hạ tầng nguồn và lưới điện. Đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn điện, lưới điện trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, không để chậm tiến độ gây ảnh hưởng an ninh năng lượng quốc gia.

(ii) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc quá trình triển khai, thực hiện các dự án đầu tư nguồn và lưới điện.

(iii) Về năng lượng tái tạo, năng lượng mới: Nghiên cứu, đề xuất và góp ý phát triển thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo (REC) theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Nghiên cứu thí điểm sản xuất và ứng dụng các dạng năng lượng mới (amoniac

xanh, hydro xanh).

(iv) Tham gia tích cực trong xây dựng thiết kế về lộ trình thiết lập thị trường điện các cấp độ tại Việt Nam, tăng cường tính cạnh tranh, minh bạch và bền vững.

(v) Nghiên cứu, đề xuất phương án xuất, nhập nguồn điện tại những địa điểm và thời điểm phù hợp, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và hiệu quả kinh tế.

(vi) Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ truyền tải điện siêu cao áp 1 chiều (HVDC), truyền tải ngầm dưới biển phục vụ truyền tải điện liên miền và xuất nhập khẩu điện.

(vii) Đối với thủy điện: Triển khai mở rộng công suất các nhà máy thủy điện theo Quy hoạch, thủy điện tích năng Bắc Ái, Đơn Dương; chủ động đề xuất các dự án phù hợp khác, báo cáo các cấp có thẩm quyền.

(viii) Đẩy nhanh tiến độ các dự án điện than, khí được giao (các dự án Quảng Trạch 1, 2, 3), tháo gỡ khó khăn dự án Vĩnh Tân 3, tích cực thúc đẩy, báo cáo các cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn của các dự án Dung Quất 1, Dung Quất 3.

(ix) Đối với điện gió và điện mặt trời: Tham gia tích cực xây dựng các chính sách tháo gỡ khó khăn và cơ chế đột phá cho phát triển điện tự sản, tự tiêu, điện gió ngoài khơi; xây dựng cơ chế đặc thù xử lý dứt điểm những vướng mắc, khó khăn đối với các dự án điện gió, điện mặt trời để bổ sung nguồn điện quốc gia.

(x) Đối với các nhà máy nhiệt điện hiện có: Triển khai nâng cấp công nghệ, nâng cao hiệu suất, giảm tiêu hao than, điện tự dùng, giảm công suất tối thiểu, đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường, xây dựng lộ trình chuyển đổi nhiên liệu.

(xi) Đối với điện hạt nhân: Khẩn trương triển khai dự án điện hạt nhân Ninh Thuận 1 theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền; kiến nghị các cơ chế đặc thù phù hợp cho dự án điện hạt nhân để đảm bảo an toàn tài chính và hoạt động bền vững của Tập đoàn.

(xii) Về tăng cường dự trữ năng lượng chiến lược, lưu trữ năng lượng: Đầu tư lắp đặt hệ thống pin lưu trữ trong hệ thống điện và các loại hình lưu trữ năng lượng tiên tiến khác, nâng cao độ tin cậy và ổn định hệ thống điện.

(xiii) Về xây dựng ngành năng lượng và phát triển công nghiệp sản xuất thiết bị năng lượng: Nghiên cứu xây dựng một đơn vị trong EVN có khả năng tổng thầu EPC dự án quy mô lớn; mở rộng phát triển công nghiệp sản xuất thiết bị điện, thiết bị năng lượng tái tạo, tăng nội địa hóa.

(xiv) Về phát triển hạ tầng năng lượng hiện đại, thông minh, bền vững, kết nối khu vực và quốc tế hiệu quả: Phát triển hệ thống lưới điện truyền tải đồng bộ với nguồn điện, đủ khả năng tích hợp quy mô lớn các nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng mới, kết nối liên thông với Lào, Campuchia và các nước ASEAN.

(xv) Kiến nghị bổ sung cơ chế giao trực tiếp cho EVN và các đơn vị thành viên của EVN làm chủ đầu tư và chịu trách nhiệm đầu tư các dự án lưới điện liên kết vùng miền, các dự án cấp điện phụ tải nhằm bảo đảm an ninh cung cấp điện.

2.3. Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện linh hoạt cam kết quốc tế về giảm phát thải; thiết lập các biện pháp quản trị và ứng phó với rủi ro

(i) Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xây dựng Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2026-2030 và Chương trình quản lý nhu cầu điện quốc gia. Trong đó, tập trung vấn đề cơ cấu lại, khuyến khích phát triển các ngành sử dụng điện hiệu quả; quy định chỉ tiêu tiết kiệm điện cho từng ngành/lĩnh vực. Tiếp tục đề xuất quy định suất tiêu hao năng lượng cho các thiết bị/hệ thống công nghệ sử dụng trong nền kinh tế về điện năng.

(ii) Triển khai đồng bộ giải pháp giảm phát thải khí nhà kính trong ngành điện; xây dựng lộ trình giảm dần nhiên liệu hóa thạch.

(iii) Nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ thu hồi, lưu giữ và tái sử dụng carbon trong sản xuất điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

(iv) Nghiên cứu đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý khí thải, nước thải đạt chuẩn quốc tế tại các nhà máy điện.

(v) Phát triển hệ thống quan trắc môi trường tự động tại các dự án điện và giám sát chặt chẽ thông số môi trường; tăng cường giám sát, xử lý vi phạm về môi trường trong vận hành nhà máy điện.

(vi) Tích cực phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc nghiên cứu, đánh giá tác động công trình thủy điện, các kênh, hồ đập, ở các quốc gia có chung dòng sông với nước ta đến vận hành nguồn điện trong nước; sửa chữa, nâng cấp, sử dụng lại nguồn nước các đập thủy điện, rà soát quy trình vận hành, hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du.

(vii) Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành các nhà máy thủy điện, bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu, các tình huống thiên tai, thời tiết cực đoan để bảo đảm an toàn công trình và an toàn hạ du.

2.4. Tập trung huy động mọi nguồn lực xã hội, khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng

(i) Xây dựng, đề xuất cơ chế tín dụng ưu đãi hoặc bảo lãnh Chính phủ cho các dự án năng lượng quan trọng quốc gia mà EVN làm chủ đầu tư.

(ii) Nghiên cứu phát hành trái phiếu trong nước và quốc tế để huy động vốn đầu tư các dự án nguồn điện, lưới điện truyền tải quy mô lớn do EVN làm chủ đầu tư.

(iii) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản trị, vận hành các đơn vị của EVN.

(iv) Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành hoàn thiện pháp luật thực thi hợp đồng, giải quyết tranh chấp, cơ chế xử lý dứt điểm các dự án, hợp đồng tồn đọng.

(v) Rà soát quy trình thanh toán và kiến nghị hiệu chỉnh để đảm bảo EVN và các công ty con thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký với doanh nghiệp tư nhân.

(vi) Rà soát quy trình đàm phán thỏa thuận đấu nối/ hợp đồng mua bán điện với các nhà đầu tư ngoài EVN, bảo đảm minh bạch, đúng pháp luật, đơn giản, dễ thực hiện, chống tiêu cực.

(vii) Triển khai hiệu quả cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA); tăng quyền lựa chọn của khách hàng sử dụng điện.

(viii) Đổi mới cơ chế giá truyền tải điện để thu hút mạnh mẽ khu vực tư nhân đầu tư phát triển lưới điện truyền tải.

(ix) Nghiên cứu hình thức hợp tác với các nhà đầu tư tư nhân trong các dự án năng lượng/ dự án điện.

2.5. Tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng

(i) Triển khai quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành năng lượng và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57 của Đảng ủy Tập đoàn.

(ii) Xây dựng cơ chế thuận lợi, đủ mạnh, tự chủ cao để khuyến khích các đơn vị trong EVN tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển.

(iii) Thiết lập cơ chế liên kết giữa EVN - nhà khoa học - cơ sở đào tạo thông qua các chương trình khoa học và công nghệ.

(iv) Tiếp tục tăng cường năng lực, trình độ của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh cùng với các cổ đông, phát triển nhanh các sản phẩm thiết bị điện mới phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu, trước mắt là máy biến áp, các thiết bị bù, kháng, các thiết bị bù SVC, STATCOM, ...

(v) Tạo thị trường minh bạch, thông thoáng, khuyến khích sản phẩm của các nhà chế tạo trong nước để tăng năng lực tự chủ về thiết bị ngành điện trên cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng và độ tin cậy, giá thành hợp lý.

(vi) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển; chú trọng đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho CBNV và người lao động. Xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho EVN, chuyên gia năng lượng, ưu tiên điện hạt nhân (trước mắt là chuẩn bị đủ nhân lực có trình độ cho xây dựng và quản lý Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1), năng lượng tái tạo, năng lượng mới. Có chính sách thu hút chuyên gia nước ngoài, người Việt ở nước ngoài về làm việc trong EVN trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân, năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

2.6. Tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững ngành năng lượng và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia

(i) Đẩy mạnh triển khai các cơ chế trao đổi, phối hợp với các nước trong khu vực, nhất là các nước ASEAN về an ninh năng lượng; thúc đẩy hợp tác, kết nối lưới điện ASEAN và miền Nam Trung Quốc. Tiếp tục đầu tư xây dựng các đường dây 500 kV, 220 kV và các trạm biến áp để bảo đảm khả năng truyền tải điện từ các

trung tâm sản xuất điện đến các trung tâm phụ tải và kết nối liên thông với các nước ASEAN, nhất là Campuchia, Lào, ... góp phần kết nối 3 nền kinh tế.

(ii) Tăng cường hợp tác quốc tế về điện hạt nhân giữa EVN với các nước/các công ty có công nghệ tiên tiến trên thế giới.

(iii) Tích cực hợp tác với các tổ chức quốc tế về năng lượng hạt nhân, đặc biệt là IAEA.

2.7. Tham gia các nhiệm vụ khác trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ khi có yêu cầu

Tích cực tham gia các đề án, góp phần hoàn thiện pháp luật, xây dựng cơ chế, chính sách; đảm bảo điện cho các dự án, công trình quan trọng theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ.

(Nội dung 167 đề án, dự án, công trình quan trọng của Đảng ủy Chính phủ tại Phụ lục 4).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ nhất và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết

1.1. Đảng bộ Tập đoàn tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết cho các cán bộ chủ chốt của Đảng bộ Tập đoàn kết nối trực tuyến Hội nghị Trung ương từ điểm cầu của Đảng ủy Chính phủ (Ngày 13/12/2025).

1.2. Các tổ chức đảng trực thuộc, Ban Chấp hành Công đoàn Điện lực Việt Nam, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên EVN xây dựng kế hoạch học tập, tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy Tập đoàn tới toàn thể cán bộ, đảng viên và người lao động bằng hình thức phù hợp: Hoàn thành trong tháng 12/2025.

2. Xây dựng Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết; theo dõi, kiểm tra thực hiện Nghị quyết

2.1. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc EVN, Công đoàn Điện lực Việt Nam, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên EVN xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết bằng các đề án cụ thể để triển khai thực hiện.

2.2. Cấp ủy các tổ chức đảng trực thuộc xây dựng Chương trình hành động của cấp mình để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện (hoặc khi có yêu cầu đột xuất) về Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn.

2.3. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn theo dõi chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động ở các tổ chức đảng trực thuộc, tổ chức đoàn thể đã được phân công phụ trách; báo cáo Ban Chấp hành về kết quả thực hiện vào dịp tổng kết công tác năm và khi có yêu cầu.

2.4. Văn phòng Đảng ủy Tập đoàn chủ trì, phối hợp các Ban của Đảng ủy Tập đoàn theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn theo định kỳ hằng năm./.

(Gửi kèm Chương trình hành động này: (i) Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ nhất; (ii) Chương trình hành động của Đảng ủy Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030).

Nơi nhận:

- Đảng ủy Chính phủ (để b/c),
- Đảng ủy Bộ Tài chính (để b/c),
- Hội đồng thành viên Tập đoàn,
- TGD, các PTGD Tập đoàn,
- Các UVBCH Đảng bộ Tập đoàn,
- Các tổ chức Đảng trực thuộc,
- Các ban XD Đảng, VPĐU Đảng ủy TĐ,
- Công đoàn Điện lực Việt Nam,
- Đoàn Thanh niên Tập đoàn,
- Lưu: VTĐU, BTG.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**

Đặng Hoàng An

Phụ lục 1
CÁC NHIỆM VỤ VỀ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

TT	Tham gia (đánh giá, tổng kết, xây dựng các đề án, quy định, kế hoạch...) khi có yêu cầu; triển khai thực hiện các nội dung khi ban hành	Thời hạn thực hiện	Ban chủ trì
I	Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức		
1	Xây dựng Đề án “Tăng cường công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phòng ngừa, đấu tranh phản bác, ngăn chặn, xử lý tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng của Đảng ủy Chính phủ, giai đoạn 2025 - 2030”; ban hành Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ về “Đổi mới công tác truyền thông chính sách và tuyên truyền thông tin tích cực, phòng ngừa, đấu tranh phản bác, ngăn chặn, xử lý tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng của Đảng ủy Chính phủ trong tình hình mới”.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	- Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn - Ban Chỉ đạo 35 của Đảng ủy Tập đoàn
2	Tổ chức các hội nghị toàn Đảng bộ và các hoạt động cần thiết để quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Đảng ủy Chính phủ và các văn bản liên quan về hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ I và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn
3	Ban hành kế hoạch về công tác tuyên truyền về việc tiếp tục sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn
4	Ban hành Quy định về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên internet và mạng xã hội	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn
5	Ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên Đảng bộ Chính phủ trong giai đoạn mới	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn
6	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn
II	Đổi mới công tác dân vận; phát huy dân chủ, kỷ cương, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội		
7	Ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của Đảng bộ Chính phủ	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn
8	Ban hành văn bản chỉ đạo của Đảng ủy Chính phủ về thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn

TT	Tham gia (đánh giá, tổng kết, xây dựng các đề án, quy định, kế hoạch...) khi có yêu cầu; triển khai thực hiện các nội dung khi ban hành	Thời hạn thực hiện	Ban chủ trì
9	Ban hành văn bản của Đảng ủy Chính phủ về thực hiện quy định về trách nhiệm của đảng viên thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn
10	Ban hành văn bản của Đảng ủy Chính phủ về đẩy mạnh công tác dân vận, nhất là công tác dân vận chính quyền, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn
11	Ban hành văn bản chỉ đạo của Đảng ủy Chính phủ về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn
12	Ban hành văn bản của Đảng ủy Chính phủ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong tình hình mới.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Tập đoàn

Phụ lục 2
CÁC NHIỆM VỤ VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

STT	Tham gia (đánh giá, tổng kết, xây dựng các đề án, quy định, kế hoạch...) khi có yêu cầu; triển khai thực hiện các nội dung khi ban hành	Thời hạn thực hiện	Ban chủ trì
I	Hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động của Đảng ủy Chính phủ; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên		
1	Phối hợp tham mưu sửa đổi, bổ sung Quy định số 60-QĐ/TW, ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư về tổ chức đảng trong các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước và Quyết định số 61-QĐ/TW, ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư về Quy chế phối hợp công tác giữa đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước với cấp ủy địa phương để triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn mô hình tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
2	Xây dựng phương án sắp xếp tổ chức đảng trong các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước theo Kết luận số 197-KL/TW, ngày 03/10/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của tổ chức cơ sở đảng trong thời gian tới.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
3	Rà soát, thực hiện chuyển giao tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp nhà nước về trực thuộc cấp ủy địa phương theo quy định của Trung ương	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
4	Đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức đảng sau sắp xếp mô hình tổ chức đảng trong Đảng bộ Chính phủ	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
5	Rà soát, giải quyết và đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác xây dựng Đảng: về mô hình; chức năng, nhiệm vụ; tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy các bộ, ngành...	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
II	Xây dựng đảng bộ các cấp trong sạch, vững mạnh		
6	Chỉ đạo tiếp tục thực hiện mô hình “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt” gắn với đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
7	Triển khai thực hiện Kết luận số 198-KL/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đánh giá đối với cán bộ lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính trị trong Đảng bộ Chính phủ	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
8	Hướng dẫn việc kiểm điểm tự phê bình, phê bình và đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân trong Đảng bộ Chính phủ	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
III	Chú trọng công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên mới		
9	Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả công tác phát triển đảng viên trong cả nhiệm kỳ và hằng năm	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
10	Xây dựng văn bản chỉ đạo về việc tiếp tục đẩy mạnh phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp Đảng, đồng thời nâng cao chất lượng phát triển đảng viên để tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị, doanh nghiệp trước mắt và lâu dài	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn

STT	Tham gia (đánh giá, tổng kết, xây dựng các đề án, quy định, kế hoạch...) khi có yêu cầu; triển khai thực hiện các nội dung khi ban hành	Thời hạn thực hiện	Ban chủ trì
IV	Ban hành các quy chế, quy định về công tác cán bộ		
11	Ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
12	Ban hành quy định về tiêu chuẩn chức danh và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
13	Ban hành Quy chế Thi đua khen thưởng	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
14	Cụ thể hóa, rà soát, bổ sung xây dựng và thực hiện các quy định, hướng dẫn về công tác cán bộ	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
15	Cụ thể hóa và triển khai chiến lược quốc gia về cơ chế khuyến khích, trọng dụng nhân tài và bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
V	Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí và thực hiện chính sách cán bộ, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ		
16	Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
17	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hằng năm	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
18	Ban hành Kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hằng năm	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
19	Kiểm tra giám sát thường xuyên và kiểm tra giám sát chuyên đề về công tác tổ chức xây dựng Đảng	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
VI	Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ		
20	Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác quản lý cán bộ, đảng viên	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn
VII	Chuyển đổi số trong công tác tổ chức xây dựng Đảng		
21	Xây dựng cơ sở dữ liệu đảng viên, sổ tay đảng viên điện tử, vận hành và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên trên mạng thông tin điện rộng của Đảng và triển khai nhiệm vụ theo Đề án chuyển đổi số trong cơ quan Đảng	Theo chỉ đạo của ĐUCP	Ban Tổ chức Đảng ủy Tập đoàn

Phụ lục 3
CÁC NHIỆM VỤ VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT,
KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG
THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

STT	Tham gia (đánh giá, tổng kết, xây dựng các đề án, quy định, kế hoạch...) khi có yêu cầu; triển khai thực hiện các nội dung khi ban hành	Thời hạn thực hiện	Ban chủ trì
I	Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng		
1	Quản trị, tuyên truyền các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, nghị quyết đại hội đảng các cấp và các nghị quyết, quy định, quy trình, quyết định, kết luận của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	UBKT Đảng ủy Tập đoàn
2	Thực hiện Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	UBKT Đảng ủy Tập đoàn
3	Triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng theo Kế hoạch số 219-KH/UBKTTW, ngày 14/3/2025, Kế hoạch số 237-KH/UBKTTW, ngày 11/6/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Thông báo số 207-TB/VPTW, ngày 27/5/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	UBKT Đảng ủy Tập đoàn
4	Kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trong thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng; kiểm tra, giám sát đối với các vấn đề “nóng” dư luận xã hội quan tâm như quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, năng lượng, an toàn thực phẩm...; kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy và triển khai thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	UBKT Đảng ủy Tập đoàn
5	Thực hiện Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng tại Đảng bộ Chính phủ trong tình hình mới”.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	UBKT Đảng ủy Tập đoàn
6	Thực hiện chuyển đổi số trong ngành kiểm tra Đảng; thực hiện kiểm tra, giám sát trên dữ liệu số.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	UBKT Đảng ủy Tập đoàn
II	Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực		
7	Thực hiện Chương trình quốc gia về giáo dục liêm chính và phòng, chống lãng phí	Theo chỉ đạo của ĐUCP	UBKT Đảng ủy Tập đoàn
8	Thực hiện Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh tra, kiểm tra, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”.	Theo chỉ đạo của ĐUCP	UBKT Đảng ủy Tập đoàn

Phụ lục 4**CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 CỦA ĐUCP**

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ
I	Tập trung hoàn thiện nhanh thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển
1	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, hạ tầng, đô thị, năng lượng (Luật Điện lực, Luật Quy hoạch, Luật Quản lý phát triển đô thị, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn...)
2	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số (Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển đổi số, Luật Đo lường, Luật Bru chính...)
3	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp...)
4	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực y tế, dân số (Luật Dân số, Luật Phòng bệnh...)
5	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường (Luật Địa chất và khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường...)
6	Luật Đất đai
7	Đánh giá, tổng kết thi hành Bộ luật Lao động năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành về giải quyết tranh chấp lao động cá nhân, tranh chấp lao động tập thể (về quyền, lợi ích) thông qua hòa giải, trọng tài
8	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực thuế, phí, lệ phí, quản lý giá (Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Giá...)
9	Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Phòng, chống tham nhũng...)
10	Luật Sở hữu trí tuệ
11	Luật Phá sản
12	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo
13	Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam
14	Hoàn thiện khung pháp lý về mô hình đô thị trong hệ thống chính quyền địa phương hai cấp
15	Thành lập Công đầu tư một cửa quốc gia
16	Xây dựng khung pháp lý quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số
17	Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị
18	Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi
19	Xây dựng cơ chế, chính sách và tiêu chí thành lập các đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế
II	Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính
20	Xây dựng Đề án xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính
21	Xây dựng Đề án xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập quốc tế; tập trung nâng cao năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự lực, tự chủ, tự cường về khoa học công nghệ
22	Xây dựng cơ chế điều hành tín dụng theo cơ chế thị trường gắn với bộ tiêu chí kiểm soát an toàn tín dụng

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ
23	Nghiên cứu thành lập Sở giao dịch vàng với hình thức phù hợp
24	Xây dựng Đề án quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân
25	Xây dựng cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng nguồn lực theo mô hình “lãnh đạo công - quản trị tư”, “đầu tư công - quản lý tư”, “đầu tư tư - sử dụng công”
26	Phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng
27	Thành lập, phát triển các khu thương mại tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Khánh Hoà và các địa phương có điều kiện thuận lợi
28	Xây dựng Chương trình phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp mới nổi
29	Xây dựng Đề án phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hoá và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn
30	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp đường sắt
31	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp năng lượng nguyên tử
32	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp năng lượng xanh, năng lượng sạch
33	Xây dựng Đề án phát triển nâng cao năng lực khai thác, sử dụng không gian vũ trụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh
34	Xây dựng Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh
35	Xây dựng Đề án phát triển du lịch với các giải pháp đột phá để đạt mục tiêu thu hút 45-50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030
36	Xây dựng chính sách hỗ trợ, kích cầu tiêu dùng, phát triển thị trường tiêu dùng nội địa
37	Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn gắn với cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế
38	Xây dựng Chiến lược phát triển, hiện đại hoá ngành ngân hàng
39	Xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và xây dựng nông thôn, nông dân giàu có
40	Hoàn thiện cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, hợp tác công tư... cho phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh, hiệu quả, bền vững
41	Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm
42	Xây dựng Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi
43	Rà soát, điều chỉnh các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho doanh nghiệp tư nhân trong nước trong tiếp cận vốn, đất đai, các chính sách ưu đãi và nguồn lực khác
44	Xây dựng các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu
45	Ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh
46	Xây dựng chính sách hỗ trợ để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, quy mô lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu
47	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã
48	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo...
49	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút hiệu quả các quỹ đầu tư quốc tế

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ
50	Xây dựng Đề án huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó có nguồn lực trong Nhân dân
III	Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
51	Thực hiện theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
52	Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
IV	Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới
53	Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035
54	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực ngoại ngữ của người học, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học
55	Xây dựng Đề án đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh
56	Xây dựng Đề án đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông
57	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục ngang tầm các nước tiên tiến
58	Xây dựng Đề án phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục
59	Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới
60	Xây dựng Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, nhất là các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi
61	Xây dựng Chương trình phát triển nguồn nhân lực số, chuẩn bị kỹ năng số để phát triển kinh tế số, xã hội số
V	Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới
	<i>Đường bộ cao tốc, đường ven biển</i>
62	Hà Nội - Hoà Bình - Sơn La - Điện Biên
63	Bắc Kạn - Cao Bằng
64	Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh
65	Quảng Ngãi - Kon Tum
66	Cao tốc Bắc - Nam phía Tây qua Tây Nguyên
67	Một số tuyến cao tốc quan trọng kết nối vùng đồng bằng sông Cửu Long
68	Vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội
69	Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh
70	Hoàn thành đường ven biển theo quy hoạch
71	Nghiên cứu, xây dựng tuyến cao tốc Viêng Chăn - Hà Nội
	<i>Đường sắt</i>
72	Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam
73	Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng
74	Đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn
75	Đường sắt Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng
76	Đường sắt Biên Hoà - Vũng Tàu

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ
77	Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ
78	Đường sắt đô thị Hà Nội
79	Đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh
80	Đường sắt đô thị Thủ Thiêm - Long Thành
81	Nghiên cứu, xây dựng đường sắt Viêng Chăn - Vũng Áng
	Cảng biển
82	Đầu tư hoàn chỉnh cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện và Cái Mép - Thị Vải
83	Xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh), cảng Liên Chiểu (Đà Nẵng), cảng Hòn Khoai (Cà Mau), cảng Nam Đồ Sơn (Hải Phòng), cảng Vân Phong (Khánh Hòa), cảng Trần Đề (Cần Thơ)
	Cảng hàng không quốc tế
84	Cảng hàng không quốc tế Long Thành (giai đoạn 2)
85	Nâng cấp, mở rộng cảng hàng không quốc tế Nội Bài
86	Cảng hàng không quốc tế Gia Bình
87	Nâng cấp cảng hàng không quốc tế Phú Quốc
	Năng lượng
88	Nhà máy điện hạt nhân (xây dựng một số nhà máy điện hạt nhân với quy mô phù hợp, công nghệ tiên tiến, an toàn nhất là nhà máy điện hạt nhân mô-đun nhỏ)
89	Các dự án năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió trên đất liền và ngoài khơi...)
	Hạ tầng số
90	Hạ tầng dữ liệu - Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành
91	Hạ tầng số cho Chính phủ số - Hạ tầng điện toán đám mây Chính phủ
92	Hạ tầng ứng dụng số - Các nền tảng số quốc gia dùng chung
93	Nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia
94	Hạ tầng số quản trị thông minh tài sản, môi trường trọng yếu quốc gia - Bản sao số các tài sản, môi trường trọng yếu quốc gia
95	Hạ tầng số hiện đại hóa báo chí - chuyển đổi số báo chí, xuất bản, thông tin cơ sở
96	Hạ tầng nghiên cứu phát triển cho công nghiệp công nghệ số, trọng tâm là công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp an toàn thông minh
	Phát triển vùng, kinh tế biển, đô thị, nông thôn
97	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống dữ liệu, thông tin về kinh tế, xã hội, môi trường, đầu tư, hệ thống bản đồ số về quy hoạch; tập trung hoàn thiện, nâng cao hiệu quả Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch
98	Xây dựng hệ thống bản đồ số về đất đai
99	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo như Phú Quốc, Côn Đảo, Vân Đồn, Côn Cỏ, Lý Sơn, Hòn Khoai...
100	Thành lập, sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia
101	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2035
VI	Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của nhân dân
102	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035; phát triển các ngành công nghiệp văn hoá
103	Ban hành hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, tích hợp vào chương trình giáo dục, truyền thông đại chúng và hoạt động văn hoá cơ sở
104	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá cho phát triển các loại hình văn hoá nghệ thuật dân tộc
105	Xây dựng Đề án thúc đẩy các phong trào, hoạt động văn hoá cơ sở, lấy người dân làm trung tâm

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ
106	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035
107	Xây dựng một số trung tâm khám bệnh, chữa bệnh ngang tầm khu vực và quốc tế; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại
108	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, số sức khỏe điện tử của người dân
109	Xây dựng chính sách lao động, việc làm để thích ứng với vấn đề già hoá dân số nhanh
110	Sửa đổi, bổ sung Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
111	Sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng
112	Tổng kết Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng
113	Nghiên cứu, xây dựng Đề án chính sách tổng thể đối với người có công với cách mạng
114	Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số
115	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030
VII	Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai
116	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia
117	Sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cơ chế định giá đất, cơ chế thu hồi đất, làm cơ sở đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và giải quyết cơ bản các điểm nghẽn về đất đai khi thực hiện các dự án liên quan đến sử dụng đất
118	Xây dựng Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh
119	Xây dựng Chương trình cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn
120	Hoàn thiện cơ chế quản lý hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học
121	Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn
122	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai
123	Xây dựng các hồ chứa lớn tại miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ
124	Chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (hồ chứa nước, hệ thống giữ nước, công trình điều tiết nước, phòng, chống sạt lở, sụt lún, hạn hán, xâm nhập mặn...)
125	Chương trình phòng, chống lũ lụt, sạt lở vùng trung du và miền núi
126	Hoàn thiện, triển khai Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước
VIII	Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa
127	Điều chỉnh tổ chức, biên chế, sáp nhập, thành lập mới một số lực lượng mới phù hợp với Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự Việt Nam, các chiến lược chuyên ngành và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, tổ chức quân sự địa phương tinh, gọn, mạnh
128	Tăng cường sức mạnh quốc phòng, phòng thủ dân sự, ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo; bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng và các môi trường không gian chiến lược mới
129	Điều chỉnh quy hoạch tổng thể thể trận quốc phòng gắn với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại phù hợp với hình thái chiến tranh, phương thức tác chiến hiện đại và địa giới địa lý hành chính địa phương mới

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ
130	Xây dựng chương trình phát triển lý luận chiến tranh nhân dân, nghệ thuật quân sự trong tình hình mới và chiến tranh công nghệ cao. Hoàn thiện đồng bộ thể chế quân sự, quốc phòng. Tổng kết các nghị quyết, kết luận, chiến lược của Đảng về quân sự, quốc phòng
131	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút trọng dụng nhân tài đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại
132	Huy động hiệu quả mọi nguồn lực trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ và xây dựng Quân đội hiện đại
133	Xây dựng đề án phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, hạt nhân, bán dẫn, chuyển đổi số trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng
134	Xây dựng đề án phát triển tiềm lực đối ngoại quốc phòng, tham gia hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng. Hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm họa, khắc phục hậu quả chiến tranh. Đăng cai tổ chức các hoạt động đa phương về quân sự, quốc phòng các cấp
IX	Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là ngoại giao kinh tế; phát huy vai trò, vị thế, uy tín của Việt Nam để xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, thịnh vượng
135	Thực hiện Nghị quyết số 153/NQ-CP, ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới
136	Xây dựng và thực hiện Đề án về công tác người Việt Nam ở nước ngoài
137	Tổng kết, sơ kết các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về đối ngoại và xây dựng các văn bản mới của Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo công tác đối ngoại
138	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ở nước ngoài
139	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thỏa thuận quốc tế
140	Xây dựng Luật Hàm cấp ngoại giao
141	Xây dựng Luật Ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự, ưu đãi, miễn trừ của tổ chức quốc tế
142	Thực hiện Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới
143	Rà soát, đôn đốc, nâng cao hiệu quả thực thi cam kết, thỏa thuận quốc tế ký kết
144	Xây dựng quy hoạch hệ thống các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2045
145	Triển khai hiệu quả Nghị quyết 292 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030
146	Đề án mở mới các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2030
147	Triển khai thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết và thực hiện các cam kết quốc tế
148	Đề án tăng cường công tác đối ngoại phục vụ phát triển trong tình hình mới
149	Xây dựng và triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế giai đoạn 2025-2030
150	Xây dựng và triển khai Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các bộ, ngành, địa phương và đội ngũ làm công tác đối ngoại nhân dân đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế trong kỷ nguyên mới
151	Triển khai hiệu quả Kế hoạch đăng cai các hội nghị đa phương quốc tế đến năm 2030
152	Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch Chiến lược của Cộng đồng Chính trị An ninh ASEAN (APSC) đến 2035
153	Xây dựng và triển khai Đề án về việc Việt Nam đảm nhiệm cương vị thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2026-2028
154	Nghiên cứu, ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2026-2030 của Bộ Ngoại giao thực hiện Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ
155	Nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Ngoại giao triển khai Đề án Thương hiệu quốc gia Việt Nam
156	Ký Biên bản ghi nhớ hợp tác với Văn phòng UNESCO tại Hà Nội
157	Tuyên truyền sâu rộng về các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo cấp cao, các sự kiện, ngày lễ lớn của đất nước
158	Triển khai sử dụng phần mềm hộ tịch điện tử tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài
159	Xây dựng và triển khai Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư về công tác phi chính phủ nước ngoài
160	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề xuất triển khai các hình thức, cơ chế đại diện nhà nước ở nước ngoài phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của pháp luật
161	Xây dựng Thông tư phân cấp, phân quyền trong quản lý tài sản công của Bộ Ngoại giao
162	Nâng cấp hệ thống bảo mật
X	Đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân; nâng cao năng lực quản trị xã hội
163	Thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP, ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới
164	Hoàn thiện và vận hành hiệu quả Cổng pháp luật quốc gia
165	Hoàn thiện các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức
166	Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập
167	Sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua, khen thưởng